

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Mẫu số 04

BIỂU RÀ SOÁT PHÂN ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
(ĐỐI VỚI CÁC THÔN CÓ SẮP XẾP)

(Kèm Báo cáo Hội đồng thẩm định /BC-HĐTĐ ngày tháng năm 2026 của Hội đồng thẩm định)

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
1	Xã An Lão - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn An Hưng	7,41	6,79	0,62	100	99	0	Không đạt
2		Thôn Hoà Bình	10,50	8,23	2,27	100	99	0	Không đạt
3		Thôn An Hưng Bắc	13,38	7,87	5,51	100	96	1	Không đạt
4		Thôn An Thành	9,77	6,98	2,79	100	100	0	Không đạt
5		Thôn Hưng Nhơn	5,22	3,37	1,85	100	87	1	Không đạt
6		Thôn Thuận Hoà	22,21	18,05	4,16	100	88	2	Đạt
7		Thôn An Thạch	4,28	2,85	1,43	100	89	1	Không đạt
8		Thôn Thuận An	10,00	9,00	1,00	100	71	1	Không đạt
9		Thôn Tân An	7,81	7,16	0,65	100	77	1	Không đạt
10		Thôn Tân Lập	3,41	2,79	0,62	100	76	1	Không đạt
11		Thôn Thanh Sơn	3,20	2,80	0,40	100	90	0	Không đạt
2	Phường An Khê - Tỉnh Gia Lai								
1		Tổ dân phố 1	0,39	0,39	1,56	100	100	0	Không đạt
2		Tổ dân phố 2	0,12	0,12	1,81	100	100	0	Không đạt
3		Tổ dân phố 3	0,32	0,32	2,07	100	100	0	Không đạt
4		Tổ dân phố 4	0,80	0,80	1,03	100	100	0	Không đạt
5		Tổ dân phố 5	0,15	0,15	2,81	100	100	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
6		Tổ dân phố 6	0,13	0,13	2,53	100	100	0	Không đạt
7		Tổ dân phố 7	-	-	0,77	100	97	0	Không đạt
8		Tổ dân phố 8	0,25	0,25	1,90	100	100	0	Không đạt
9		Tổ dân phố 9	0,13	0,13	0,77	99	95	0	Không đạt
10		Tổ dân phố 10	0,32	0,32	1,61	98	100	0	Không đạt
11		Tổ dân phố 11	0,54	0,54	1,90	95	100	0	Không đạt
12		Tổ dân phố 12	0,13	0,13	1,33	70	100	0	Không đạt
13		Tổ dân phố 13	0,75	0,75	2,14	70	100	0	Không đạt
14		Tổ dân phố 14	0,62	0,62	1,72	60	100	0	Không đạt
15		Tổ dân phố 15	0,25	0,25	0,98	73	100	0	Không đạt
16		Tổ dân phố 16	0,44	0,44	1,62	80	100	0	Không đạt
3	Phường An Phú - Tỉnh Gia Lai								
1		Tổ dân phố Chư Á		-	-	94	100	0	Không đạt
2		Tổ dân phố Âu Cơ			-	98	100	0	Không đạt
3		Tổ dân phố Đoàn Kết		-	-	98	100	0	Không đạt
4		Tổ dân phố Thắng Lợi			-	98	100	0	Không đạt
5		Tổ dân phố Phú Thọ	0,26	2	0,18	89,18	100	0	Không đạt
6		Tổ dân phố Nguyên Lợi	0,31			89,18	100	0	Không đạt
7		Tổ dân phố An Mỹ	-			89,18	100	0	Không đạt
8		Làng Thung Dôr	-			89,18	100	0	Không đạt
9		Làng Do - Guăh	1,02	1	0,17	90	100	0	Không đạt
10		Làng Mơ Nù	1,01	2	0,34	90	100	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
11		Làng Bông Phun	0,92	2	0,37	89,59	100	0	Không đạt
12		Làng Wâu - Kơ Tu	1,89	5	1,05	90	100	0	Không đạt
13		Làng Chuết	0,29			98	100	0	Không đạt
14		Làng Nhả Prông	1,26	4	0,84	92,66	100	0	Không đạt
4	Phường Diên Hồng - Tỉnh Gia Lai								
1		Tổ dân phố 1	0,21	0	0,21	100	100	0	Không Đạt
2		Tổ dân phố 2	0,08	0,08	0	100	100	0	Không Đạt
3		Tổ dân phố 3	0,22	0	0,22	100	100	0	Không Đạt
4		Tổ dân phố 4	0,09	0	0,09	100	100	0	Không Đạt
5		Tổ dân phố 5	0	0	0	100	100	0	Không Đạt
6		Tổ dân phố 6	0	0	0	100	100	0	Không Đạt
7		Tổ dân phố 7	0	0	0	100	100	0	Không Đạt
8		Tổ dân phố 8	0	0	0	100	100	0	Không Đạt
9		Tổ dân phố 9	0	0	0	100	100	0	Không Đạt
10		Tổ dân phố 10	0	0	0	100	100	0	Không Đạt
11		Tổ dân phố 11	0	0	0	100	100	0	Không Đạt
12		Tổ dân phố 12	0,10	0	0,10	100	100	0	Không Đạt
13		Tổ dân phố 13	0,79	0	0,79	100	100	0	Không Đạt
14		Thôn Pleikuroh	0,91	0,23	0,68	100	100	0	Không Đạt
5	Phường Hội Phú - Tỉnh Gia Lai								
1		Tổ dân phố 1	0,4	0,0	0,4	99,9	100	0,0	Không đạt
2		Tổ dân phố 2	0,8	0,0	0,8	98,7	100	0,0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
3		Tổ dân phố 3	0,4	0,0	0,4	100,0	100	0,0	Không đạt
4		Tổ dân phố 4	0,5	0,1	0,4	100,0	100	0,0	Không đạt
5		Tổ dân phố 5	0,2	0,0	0,2	99,8	100	0,0	Không đạt
6		Tổ dân phố 6	0,0			98,4	100	0,0	Không đạt
7		Tổ dân phố 7	0,3	0,0	0,3	94,4	100	0,0	Không đạt
8		Tổ dân phố Hàm Rồng	0,2	0,0	0,2	100,0	100	0,0	Không đạt
9		Làng Ngó	0,4	0,0	0,4	99,1	100	0,0	Không đạt
10		Làng Châm Anêh	0,0	0,0	0,0	100,0	100	0,0	Không đạt
6	Phường Pleiku - Tỉnh Gia Lai								
1		Tổ dân phố 1	-	-	-	100	100	0	Không đạt
2		Tổ dân phố 2	-	-	-	100	100	0	Không đạt
3		Tổ dân phố 3	0,021	0,014	0,007	100	100	0	Không đạt
4		Tổ dân phố 4	-	-	-	100	100	0	Không đạt
5		Tổ dân phố 5	-	-	-	100	100	0	Không đạt
6		Tổ dân phố 6	-	-	-	100	100	0	Không đạt
7		Tổ dân phố 7	0,007	0,007	-	100	100	0	Không đạt
8		Tổ dân phố 8	0,007	-	0,007	100	100	0	Không đạt
9		Tổ dân phố 9	0,007	0,007	-	100	100	0	Không đạt
10		Tổ dân phố 10	0,014	-	0,014	100	100	0	Không đạt
11		Tổ dân phố 11	-	-	-	100	100	0	Không đạt
12		Tổ dân phố 12	0,014	-	0,014	100	100	0	Không đạt
13		Tổ dân phố 13	-	-	-	100	100	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
14		Tổ dân phố 15	0,007	-	0,007	92,7	100	0	Không đạt
15		Tổ dân phố 16	0,041	-	0,041	97,3	100	0	Không đạt
16		Tổ dân phố 14	-	-	-	100	100	0	Không đạt
17		Làng Ôp	-	-	-	95	100	0	Không đạt
7	Phường Thống Nhất - Tỉnh Gia Lai								
1		Tổ dân phố 1	0,18%	0	0,18	100	100	0	Không đạt
2		Tổ dân phố 2	0,00%	0	0,00	100	100	0	Không đạt
3		Tổ dân phố 3	0,20%	0	0,10	88	100	0	Không đạt
4		Tổ dân phố 4	0,08%	0	0,08	78	100	0	Không đạt
5		Tổ dân phố 6	0,00%	0	0,00	99	100	0	Không đạt
6		Tổ dân phố 7	0,07%	0	0,07	80	100	0	Không đạt
7		Tổ dân phố 8	0,00%	0	0,00	96	100	0	Không đạt
8		Tổ dân phố 9	0,12%	0	0,12	99	100	0	Không đạt
9		Tổ dân phố Plei Kép	0,57%	0	0,57	100	100	0	Không đạt
10		Tổ dân phố Bruk Ngol	0,19%	0	0,19	81	100	0	Không đạt
11		Tổ dân phố 5	0,00%	0	0,00	97	100	0	Không đạt
8	Xã Al Bá - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Blút Griêng	5,87	4,40	1,47	100	82,9	1	Không đạt
2		Thôn Tứ Kỳ	4,23	3,49	0,74	100	78,9	1	Không đạt
3		Làng Ia Choan	20,90	15,25	5,65	100	83,1	2	Đạt
4		Làng U Róh	16,28	9,19	7,10	100	89,8	2	Đạt
5		Làng Dơ Nông Ó	16,78	7,38	9,40	100	87,0	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
6		Làng Ser Dơ Mỏ	16,67	7,34	9,32	100	85,0	2	Đạt
7		Làng Tung Ke	28,47	15,06	13,41	100	57,7	2	Đạt
8		Làng Ayun	27,80	10,51	17,29	100	69,5	2	Đạt
9	Xã An Hòa - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn An Quang	7,32	7,08	0,24	94,4	93,6		Không đạt
2		Thôn Vạn Xuân	15,47	2,31	13,16	98,8	84,0	2	Đạt
10	Xã An Toàn - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn An Nghĩa	25,60	19,20	6,40	58	89,6	2	Đạt
2		Thôn Hòn Chiêng	27,78	20,00	7,78	55	87,9	2	Đạt
11	Xã An Vinh - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 1	11,59	2,07	9,05	57	81	2	Đạt
2		Thôn 2	10,1	2,99	6,48	57	83	2	Đạt
3		Thôn 3	10,02	6,26	1,88	57	85	2	Đạt
4		Thôn 4	12,28	8,31	3,08	56	83	3	Đạt
5		Thôn 5	24,03	23,08	1,16	53	87	3	Đạt
6		Thôn 6	33,22	33,22	1,65	53	85	3	Đạt
7		Thôn 7	31,76	14,22	1,59	55	84	3	Đạt
12	Xã Ayun - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 2	14,08	2,11	11,97	81,3	100	1	Không đạt
2		Làng Plei Bông	40,71	9,81	30,90	56,0	89,0	2	Đạt
3		Thôn 1	10,59	1,48	9,11	74,9	100	0	Không đạt
4		Làng Đêkjêng	47,43	10,05	37,38	61,8	87,9	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
13	Xã Ân Tường - Tỉnh Gia Lai								
1		Tân Thạnh	3,76	1,10	2,67		100		Không đạt
2		Ân Hữu	5,56	1,70	3,85		100		Không đạt
3		Phú Xuân	8,46	3,00	5,44		100		Không đạt
4		Thôn Đắc mang	23,46	6,42	17,04	90	86,7	2	Đạt
5		Phú Văn	5,57	2,00	3,61		100		Không đạt
6		Phú Hữu 1	4,05	1,30	2,75		100		Không đạt
7		Phú Hữu 2	4,04	1,10	2,91		100		Không đạt
8		Phú Khương	3,90	1,20	2,73		100		Không đạt
9		Hà Đông	4,49	1,50	2,99		100		Không đạt
14	Xã Bàu Cạn - Tỉnh Gia Lai								
1		Thăng Hưng Đông	11,86	3,86	8	56,2	99,8	2	Đạt
2		Thăng Hưng Tây	13,69	3,91	9,78	57,6	99,7	2	Đạt
3		Thanh An	8,09	1,99	6,1	58,1	89,6	2	Đạt
4		Thanh Bình	6,53	2,67	3,86	51,5	89,5	2	Đạt
5		Làng Mui	15,15	6,64	8,51	45,6	87,33	3	Đạt
6		Đoàn Kết	4,87	2,67	2,2	57,5	93,88	1	Không đạt
15	Xã Biền Hồ - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Ia Nueng	1,46	0,00	1,46	84,5	100	0	Không đạt
2		Làng Têg	4,97	0,55	4,42	77	99	0	Không đạt
3		Thôn Đồng Bằng	1,49	0,15	1,34	82	100	0	Không đạt
4		Làng Ia Bằng	6,14	1,36	4,77	55,5	100	1	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
5		Làng Ia Mút	7,98	1,42	6,55	60	100	0	Không đạt
6		Thôn Nghĩa Hưng 1	4,93	0,77	4,16	89	97	0	Không đạt
7		Thôn Nghĩa Hưng 2	3,60	0,00	3,60	80	100	0	Không đạt
8		Thôn Nghĩa Hưng 3	3,97	0,19	3,78	82	100	0	Không đạt
9		Thôn Nghĩa Hưng 4	13,89	1,17	12,72	59,8	87,56	3	Đạt
10		Làng Bui Brông	13,35	1,55	11,80	59,2	94,33	2	Đạt
11		Thôn Chư Jôr	35,41	4,92	30,49	58,0	98	2	Đạt
12		Làng Chư Đang Ya	35,83	8,79	27,04	58,5	94,5	2	Đạt
13		Làng Ia Gri	35,92	14,37	21,55	66,25	82,5	2	Đạt
16	Xã Bình Hiệp - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Thuận Truyền	3,60	0,78	2,82	100,00	100	0,00	không đạt
2		Thôn Bình Thuận	7,21	0,99	6,22	100,00	100	0,00	không đạt
3		Thôn Thuận Hạnh	3,51	0,20	3,31	100,00	100	0,00	không đạt
4		Thôn Bình Tân	3,04	0,56	2,48	100,00	100	0,00	không đạt
5		Thôn Phú Hưng	3,80	0,67	3,13	100,00	100	0,00	không đạt
6		Thôn M6	10,00	3,33	6,67	100,00	100	0,00	không đạt
7		Thôn Thuận Ninh	3,85	0,77	3,08	100,00	100	0,00	không đạt
8		Thôn Văn Phong	5,76	0,70	5,06	100,00	100	0,00	không đạt
9		Thôn Tây An	8,70	0,97	7,73	100,00	100	0,00	không đạt
17	Xã Bình Khê - Tỉnh Gia Lai								
1		Tiên Thuận	2,29	0,69	1,60	100,00	100	0	Không đạt
2		Thượng Sơn	1,43	0,81	0,63	100,00	100	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
3		Thượng Giang	1,62	0,62	1,00	100,00	100	0	Không đạt
4		Tả Giang	1,03	0,66	0,38	100,00	100	0	Không đạt
5		Nam Giang	2,79	0,72	0,72	100,00	100	0	Không đạt
6		Hữu Giang	1,45	0,52	2,27	100,00	100	0	Không đạt
18	Xã Bình Phú - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Vĩnh An	6,21	3,88	2,33	51	85,23	2	Đạt
4		Thôn Phú Mỹ	5,20	0,66	4,54	57	92,79	1	Không đạt
19	Xã Bờ Ngoong - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Amo	4,00	1,70	2,30	64,1	74,95	1	Không đạt
2		Làng Pa Pết	2,50	0,30	2,20	44,35	85,3	2	Đạt
3		Làng Puih Jri	10,20	3,30	6,90	55,88	85,9	2	Đạt
4		Làng Thoong Nha	1,20	0,00	1,20	56,14	86,34	2	Đạt
5		Thôn Đồng Tâm	1,00	0,00	1,00	40,54	93,95	1	Không đạt
6		Làng Phăm Klăh	12,60	3,50	9,10	55,65	72,45	3	Đạt
7		Làng Phăm Ngol	8,30	3,10	5,20	48,61	76,12	2	Đạt
8		Làng Hlú	5,10	2,80	2,30	52,22	76,77	2	Đạt
9		Làng Lê Ngol	3,60	1,30	2,30	42	82,24	2	Đạt
10		Làng Nủ	7,20	3,20	4,00	51,43	73,45	2	Đạt
11		Làng Klú	3,70	1,60	2,10	49,02	77,5	2	Đạt
12		Làng Ka	5,90	2,30	3,60	52,63	87,18	2	Đạt
13		Làng Khổi Zét	2,90	0,80	2,10	35,42	83,2	2	Đạt
14		Làng Grai Mek	11,90	5,30	6,60	64,29	83,4	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
15		Làng Kênh Siêu	6,30	1,80	4,50	63,64	78	1	Không đạt
16		Làng Hồ Lâm	10,50	4,40	6,10	48,94	79,72	2	Đạt
17		Làng Tơ Drăh	14,20	5,74	8,46	52,63	74,62	3	Đạt
18		Làng Phăm Ó	15,59	5,50	10,09	57	72,78	3	Đạt
19		Làng Khối Zố	6,31	2,87	3,44	50	70,77	2	Đạt
20	Xã Canh Liên - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Hà Giao	37,6	8,8	28,8	27,76	77,20	3	Đạt
2		Làng Đak Lâu	21,29	8,79	12,5	53,82	77,68	3	Đạt
3		Làng Ka 3	23,21	11,16	12,05	15,38	73,61	3	Đạt
21	Xã Canh Vinh - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Bình Long	9,76	1,04	8,72	68,91	80,5	1	Không đạt
2		Thôn An Long 1	7,54	1,01	6,53	82,97	96,5	0	Không đạt
3		Thôn An Long 2	2,33	0,52	1,81	73,48	100	0	Không đạt
4		Thôn Hiệp Vinh 1	2,64	1,32	1,32	88,70	94,5	0	Không đạt
5		Thôn Hiệp Vinh 2	8,78	1,37	7,41	76,13	94,9	0	Không đạt
6		Thôn Tân Vinh	16,21	2,88	13,34	55,83	86,7	1	Không đạt
7		Thôn Quang Hiễn	4,58	2,81	1,78	70,41	97,8	0	Không đạt
8		Thôn Tân Quang	3,98	1,49	2,49	84,09	79,9	1	Không đạt
9		Thôn Hiễn Đông	2,78	1,26	1,52	64,58	85,9	1	Không đạt
10		Thôn Canh Hiệp	71,09	16,07	55,03	77,73	73,8	2	Đạt
11		Thôn Suối Đá	44,45	10,39	34,06	41,68	89,3	3	Đạt
12		Làng Canh Tiến	47,27	15,15	32,12	57,73	100	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
22	Xã Chơ Long - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Tpon	17,02	15,71	1,31	85,5	73,30	2	Đạt
2		Làng Kúc Gmỏi	23,38	18,86	4,82	97,2	85,96	2	Đạt
3		Làng Kúc Rong	38,19	32,36	5,83	89,1	70,26	2	Đạt
4		Làng Brul - Klăh	37,47	31,62	5,85	63,6	74,47	2	Đạt
5		Làng Tpe	30	28,08	1,92	60,0	76,54	2	Đạt
23	Xã Chư A Thai - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Tân Điệp	4,59	0,87	3,71	59,0	100	1	Không đạt
2		Thôn Plei Tăng	5,06	1,01	4,05	80,0	100	0	Không đạt
3		Thôn Plei Plok	5,99	2,48	3,51	75,5	100	0	Không đạt
4		Thôn Plei Oì	10,10	2,86	7,24	62,5	82	0	Không đạt
5		Thôn Thanh Sơn	1,87	0,53	1,33	77,5	94,6	0	Không đạt
6		Thôn Thanh Thượng	1,88	0,94	0,94	82,5	100	0	Không đạt
7		Thôn Drok	25,10	6,73	18,37	52,0	100	2	Đạt
8		Thôn Hải Yên	9,56	1,33	8,22	73,3	100	0	Không đạt
9		Thôn Plei Pông	14,87	9,49	5,38	55,5	84,7	2	Đạt
10		Thôn Plei Hek	19,78	13,92	5,86	57,0	100	2	Đạt
24	Xã Chư Krey - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Pobahktu	43,89	18,55	25,34	75	86,46	2	Đạt
2		Làng Chiêu Liêu	33,65	14,70	18,95	75	88,82	2	Đạt
3		Làng Bröch Siêu	30,32	12,67	17,65	75	88,70	2	Đạt
4		Làng Biên	34,98	15,90	19,08	70	75,25	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
5		Làng Sơ Rơn	47,67	29,11	18,56	75	77,94	2	Đạt
6		Làng Châu	33,97	18,10	15,87	70	88,65	2	Đạt
7		Làng Lơ Pơ	45,58	31,25	14,33	70	72,55	2	Đạt
8		Thôn 6	1,82	0,73	1,09	100	100	0	Không đạt
25	Xã Chư Păh - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Phú Hòa 2	7,72	0,18	7,54	95,00	100	0	Không đạt
2		Thôn Phú Hòa 3	3,26	0,00	3,26	83,00	100	0	Không đạt
3		Thôn Hòa Phú 1	9,67	0,99	8,68	100,00	100	0	Không đạt
4		Làng Hreng	24,10	1,48	22,62	48,65	100	2	Đạt
5		Thôn Nghĩa Hòa 1	5,14	0,14	5,00	91,33	100	0	Không đạt
6		Thôn Nghĩa Hòa 2	9,25	0,57	8,68	81,00	100	0	Không đạt
26	Xã Chư Prông - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Hoàng Yên	6,25	2,40	3,9	96,0	100	0	Không đạt
2		Làng Bạc 2	15,45	3,09	12,4	97,0	89,2	2	Đạt
3		Làng Bạc 1	11,05	6,26	4,8	58,6	89,0	2	Đạt
4		Làng Bò	23,98	9,52	14,5	84,6	89,2	2	Đạt
5		Thôn Bình Thanh	13,76	2,10	11,7	57,3	100	2	Đạt
6		Làng Ó	26,06	9,57	16,5	54,8	100	2	Đạt
7		Thôn Đức Nghĩa	14,65	4,03	10,6	94,4	100	1	Không đạt
8		Làng Xung Beng	18,57	10,85	7,7	93,6	89,3	2	Đạt
9		Làng Pó	37,86	14,56	23,3	56,6	100	2	Đạt
10		Làng Thung	41,55	10,53	31,0	57,3	100	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
27	Xã Chư Pưh - Tỉnh Gia Lai								
1		Plei Lao	14,71	5,50	9,2	97,7	81,6	2	Đạt
2		Plei Kly Phun	16,96	7,44	9,5	97,4	83,9	2	Đạt
3		Plei Djiêk	10,38	3,75	6,6	95,9	93,2	0	Không đạt
4		Thôn Hoà Hiệp	8,74	4,26	4,5	97,5	90,8	0	Không đạt
5		Thôn Hoà Tín	2,02	-	2,0	99,4	95,5	0	Không đạt
6		Thôn Hoà Bình	2,89	0,82	2,1	98,1	83,1	1	Không đạt
7		Plei Tao	5,54	2,93	2,6	96,8	88,9	1	Không đạt
8		Plei Ia Ke	8,72	3,36	5,4	94,8	92,4	0	Không đạt
9		Thôn Hoà Lộc	6,70	2,45	4,2	94,4	96,2	0	Không đạt
10		Plei Briêng	3,10	1,72	1,4	96,2	97,8	0	Không đạt
11		Thôn Plei Phung	8,18	4,82	3,4	97,3	97,2	0	Không đạt
28	Xã Chư Sê - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 1	2,18	0,51	1,67	100	100		Không đạt
2		Thôn 3	1,33	0,48	0,85	100	100		Không đạt
3		Thôn 5	2,23	0,74	1,49	100	100		Không đạt
4		Thôn 8	1,1	0,41	0,69	100	100		Không đạt
5		Thôn 9	1,44	0,12	1,32	100	100		Không đạt
6		Thôn Mỹ Thạch	2,36	0	2,36	100	100		Không đạt
7		Thôn Ngo Ser- Glan	3,51	1,58	1,93	100	100		Không đạt
8		Thôn Phú Cường	4,57	1,03	3,54	100	100		Không đạt
9		Thôn Tào Ròng	8,22	2,18	6,04	100	100		Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
10		Thôn An Điền	4,96	2,48	2,48	100	100		Không đạt
11		Thôn Vinh Hà	4,03	1,88	2,15	100	100		Không đạt
12		Thôn Mỹ Phú	3,12	1,17	1,95	100	100		Không đạt
13		Thôn Ia Blang	16,33	7,49	8,84	100	100		Không đạt
14		Làng Greo Pét	25,53	9,28	16,25	100	100		Không đạt
15		Thôn Dun Bêu	11,61	3,59	8,02	100	100		Không đạt
16		Thôn Yon Tok	14,25	6,18	8,07	100	100		Không đạt
17		Thôn Nông Trường □	7,07	4,22	2,85	100	100		Không đạt
18		Làng Del	12,74	4,25	8,49	100	100		Không đạt
19		Thôn Nhơn Phú	6,26	2,31	3,95	100	100		Không đạt
20		Thôn 12	1,9	0,24	1,66	100	100		Không đạt
21		Làng Hăng Rìng	4,59	1,72	2,87	100	100		Không đạt
22		Thôn Kê	3,27	0,36	2,91	100	100		Không đạt
23		Thôn Bầu Zút	2,85	0,71	2,14	100	100		Không đạt
24		Thôn Hồ Nước	3,19	0,8	2,39	100	100		Không đạt
25		Thôn Tốt Biớch	5,09	1,06	4,03	100	100		Không đạt
26		Làng Queng Mếp (Giữ nguyên l	6,16	3,08	3,08	100	100		Không đạt
27		Thôn Đoàn Kết	0	0	0	100	100		Không đạt
28		Làng Pan	9,6	4,43	5,17	100	100		Không đạt
29		Làng Tok Roh	2,72	1,36	1,36	100	100		Không đạt
29	Xã Cửu An - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn An Thượng 2	2,48	1,24	1,24	46	100	1	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
2		Thôn An Thượng 3	2,49	1,15	1,44	60	100	0	Không đạt
3		Thôn Thượng An	2,88	0,72	2,16	95	100	0	Không đạt
4		Làng Pốt	6,25	1,25	5,00	90	97,5	0	Không đạt
5		Thôn An Điền Nam	1,49	0,25	1,24	100	100	0	Không đạt
6		Thôn An Điền Bắc	2,56	0,32	2,24	100	100	0	Không đạt
7		Thôn An Bình	3,95	1,65	2,30	100	100	0	Không đạt
8		Thôn An Xuân	3,25	0,65	2,60	90	99,6	0	Không đạt
9		Thôn An Thạch	2,55	0,79	1,76	88	100	0	Không đạt
10		Thôn Cửu Đạo	3,22	1,24	1,98	74	95,3	0	Không đạt
11		Thôn Tú Thủy 1	5,14	1,07	4,07	66	95,5	0	Không đạt
12		Thôn Tú Thủy 2	6,09	1,46	4,63	89	98,8	0	Không đạt
13		Làng Hòa Bình	20,63	6,73	13,90	90	86,1	2	Đạt
30	Xã Đak Đoa - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 8	4,72	0,98	3,73	95,5	100	3	Không Đạt
2		Thôn 2	3,16	0,59	2,57	90,2	100	3	Không Đạt
3		Thôn 3	2,55	0,57	1,98	98,5	100	3	Không Đạt
4		Thôn 5	1,94	0	1,94	97,7	100	3	Không Đạt
5		Thôn 6	0,57	0,14	0,43	100,0	100	3	Không Đạt
6		Thôn 1 Tân Bình	3,68	0,42	3,26	100,0	100	3	Không Đạt
7		Thôn Tươi Ktu	7,15	1,51	5,65	82,7	100	3	Không Đạt
8		Thôn Groi Wét	9,32	1,57	7,75	84,2	100	3	Không Đạt
9		Thôn Dôr 1	6,49	1,45	5,03	84,5	100	3	Không Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
31	Xã Đak Pơ - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 1	9,44	1,05	8,39	100	100	0	Không đạt
2		Thôn 2	8,87	1,18	7,69	100	100	0	Không đạt
3		Làng Kuk Kôn	12,55	6,69	5,86	100	89,5	2	Đạt
4		Thôn 3	5,52	1,30	4,22	100	100	0	Không đạt
5		Làng Hway	16,60	3,83	12,77	100	89,8	2	Đạt
6		Thôn 4	4,17	0,52	3,65	100	100	0	Không đạt
7		Làng Bút	9,73	6,71	3,02	100	89,6	1	Không đạt
8		Làng Gliek	35,12	8,78	26,34	100	88,9	2	Đạt
9		Làng Jro Dong	18,70	4,82	13,88	100	89,8	2	Đạt
10		Làng Klăh Môn	42,01	15,99	26,02	100	90,0	2	Đạt
11		Làng Krông Hra	20,98	8,93	12,05	100	89,7	2	Đạt
32	Xã Đak Rong - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Kon Lanh	24,58	6,35	18,23	100	86,86	2	Đạt
2		Làng Kon Pne	66,74	26,74	40,00	100	58,97	2	Đạt
3		Làng Kon Bông	24,71	3,69	21,02	100	73,07	2	Đạt
4		Làng Đak Tơ Neng	70,11	33,41	36,70	100	60,85	2	Đạt
5		Làng Kon Von	33,75	13,75	20,00	100	62,96	2	Đạt
33	Xã Đak Somei - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Kon Jôt Nak	54,61	22,09	32,52	46,7	86,2	3	Đạt
2		Làng Kon Mahar Sơ Nglok	48,89	17,65	31,24	52,0	74,2	3	Đạt
34	Xã Đăk Song - Tỉnh Gia Lai								

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
1		Làng Blà - Krắc	32,29	24,22	8,07	100	81,2	2	Đạt
2		Làng Kte - H'ôn	42,45	32,08	10,38	100	61,9	2	Đạt
3		Làng Đăk Pling	39,86	32,03	7,83	100	65,7	2	Đạt
35	Xã Đức Cơ - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Ấp	36,11	10,47	25,64	75	82	2	Đạt
2		Làng Krai	38,68	11,45	27,23	75	78	2	Đạt
3		Thôn Chư Ty 3	7,63	0,60	7,04	85	100	1	Không đạt
4		Thôn Chư Ty 4	2,53	0,38	2,15	85	100	1	Không đạt
36	Xã Gào - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Plei Nhao	1,95	0,20	1,76	2,0	100	0	Không đạt
2		Thôn Ia Kênh	1,97	0,98	0,98	49,3	95,82	1	Không đạt
3		Thôn Plei Thoong	4,60	0,84	3,77	57	88,7	2	Đạt
4		Thôn Trà Thương Phú	4,84	0,97	3,87	100	87,7	1	Không đạt
5		làng Nang Long - O Sor	10,72	5,25	5,47	56,7	100	2	Đạt
37	Xã Hội Sơn - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Thạch Bàn	6,39	1,55	4,84	100	100		Không đạt
2		Thôn Cát Lâm	5,18	0	5,18	100	100		Không đạt
3		Thôn Đại Khoang	4,55	1,14	3,41	100	100		Không đạt
4		Thôn Hội Sơn	5,26	0,9	4,36	78,3	87	1	Không đạt
5		Thôn Thuận Phong	2,47	0	2,47	80,7	100		Không đạt
38	Xã Hra - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Chơng	66,76	16,3	50,46	100	96,6	1	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
2		Làng Kon Chrah	17,24	4,9	12,34	58,6	98,9	2	Đạt
3		Làng KDung	31,28	6,11	25,17	58,50	73,8	3	Đạt
39	Xã Ia Băng - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Thung Nôm	39,32	14,24	25,08	58,1	100	2	Đạt
2		Thôn Châm Prông	10,20	0,89	9,31	68,7	100	0	Không đạt
3		Thôn Hàm Rồng	4,81	0,57	4,24	70,7	100	0	Không đạt
4		Thôn O	10,85	0,64	10,21	72,3	100	0	Không đạt
5		Thôn La Sơn	3,29	0,39	2,89	81,7	100	0	Không đạt
6		Thôn Bông Lar	5,15	0,89	4,26	61,1	100	0	Không đạt
7		Thôn Odeh	8,09	1,58	6,51	52,3	100	0	Không đạt
8		Thôn Ia Pét	18,37	3,13	15,24	59,0	100	2	Đạt
9		Thôn Alphun	23,62	3,58	20,03	58,7	100	2	Đạt
40	Xã Ia Boòng - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Xuân Me	14,16	6,10	8,06	85,5	85,2	2	Đạt
2		Thôn Yên Me	16,81	11,14	5,68	96,7	89,7	2	Đạt
3		Làng Đê - Sơ	28,47	18,00	10,46	52,3	80,1	3	Đạt
4		Làng Klũh Klăh	14,14	5,26	8,88	91,7	97,0	1	Không đạt
5		Thôn Đoàn Kết	10,83	4,78	6,05	93,7	100,0	0	Không đạt
6		Làng Sor	8,88	3,25	5,62	64,7	100,0	0	Không đạt
7		Làng Riêng	25,53	15,16	10,37	55,7	96,5	2	Đạt
8		Làng Sung O - Boòng Nga	41,19	15,05	26,14	58,8	95,6	2	Đạt
9		Làng La	21,80	12,20	9,60	58,4	88,0	3	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
41	Xã Ia Chia - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Kom	17,10	5,80	11,30	57	100	2	Đạt
2		Làng Bang	21,60	6,60	15,00	75	63,3	2	Đạt
3		Làng Tang	45,24	21,43	23,81	87	76,2	2	Đạt
4		Làng Lang	21,27	5,75	15,52	67	84,0	2	Đạt
5		Làng Beng	7,88	5,76	2,12	57	70,0	1	Không đạt
6		Làng Nú	6,82	3,79	3,03	58	94,0	1	Không đạt
7		Làng Biă Ngó	17,56	2,70	14,86	59	100	2	Đạt
42	Xã Ia Dom - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Mook Đen	7,33	0,95	6,38	100	100	1	Không đạt
2		Thôn Mook Trêl	9,75	1,89	7,86	100	100	1	Không đạt
3		Thôn Mook Trang	16,93	6,12	10,81	100	96,9	1	Không đạt
4		Làng Bi	7,46	3,98	3,48	100	92,8	1	Không đạt
5		Thôn Ia Mút	12,18	4,61	7,57	100	95,9	1	Không đạt
6		Thôn Cửa Khẩu	10,75	3,31	7,44	100	100	1	Không đạt
43	Xã Ia Dok - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Ia Mang	11,72	1,25	10,47	24,00	100	1	Không đạt
2		Thôn Đoàn Kết	7,47	1,56	5,91	31,50	100	1	Không đạt
3		Làng Sung Le	38,17	11,48	26,69	28	99	2	Đạt
4		Làng Sung Kép	40,41	12,78	27,63	23,5	97,5	2	Đạt
5		Làng Ghè	26,62	7,67	18,95	29	98	2	Đạt
6		Làng Dok Ngol	39,12	11,87	27,25	28	98,5	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ cận nghèo (%)				
7		Làng Pong	30,17	4,75	25,42	42	99	2	Đạt
8		Làng Dok Lăh	19,81	5,43	14,38	53	99	2	Đạt
9		Thôn Chư Bô 1	13,06	1,19	11,87	32	100	2	Đạt
10		Thôn Chư Bô 2	16,87	1,53	15,34	42	100	2	Đạt
44	Xã Ia Dreh - Tỉnh Gia Lai								
1		Buôn Ia Krông	27,14	9,44	17,70	58,8	94,7	2	Đạt
2		Buôn Hdreh	19,80	7,96	11,84	45,49	95,0	2	Đạt
3		Buôn Băh Nga	29,16	7,99	21,17	60,15	89,0	2	Đạt
4		Buôn Ia Hly	30,00	10,00	20,00	52,55	96,8		Đạt
5		Buôn Ia Sóa	17,96	6,34	11,62	39,3	96,7		Đạt
6		Buôn Tơ Nung	25,85	10,49	15,36	56,88	95,1		Đạt
7		Buôn Chờ Tung	24,36	9,49	14,87	37,3	96,9		Đạt
8		Buôn Gum Gốp	30,93	7,81	23,12	100	92,9		Không đạt
9		Buôn Blăk	34,16	9,86	24,30	68,02	93,0		Không đạt
10		Buôn Ia Klon	33,01	6,41	26,60	62	94,7		Không đạt
45	Xã Ia Grai - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 1	7,57	1,58	5,99	93	100	0	Không đạt
2		Thôn 2	5,27	1,62	3,65	90	100	0	Không đạt
3		Thôn 3	17,40	6,23	11,17	87	100	1	Không đạt
4		Thôn 4	1,61	1,15	0,46	98	100	0	Không đạt
5		Thôn 5	9,00	1,63	7,37	65	63,6	1	Không đạt
6		Làng Ia Grăng 1	11,96	3,93	8,03	58,5	84,4	3	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
7		Làng Ia Grăng 2	8,63	4,84	3,79	55	87,5	2	Đạt
8		Làng Bẹk	19,37	6,51	12,86	57	74,9	3	Đạt
9		Làng Ia Bă	8,63	4,79	3,84	58	76,1	2	Đạt
10		Làng Dun De	21,36	7,38	13,98	57,5	93,9	2	Đạt
46	Xã Ia Hiao - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Thanh Bình	0,60	-	0,60	70,6	100,0	0	Không đạt
2		Thôn Sô Ma Hang	12,91	5,11	7,80	57,2	79,6	3	Đạt
3		Thôn Sô Ma Rong	10,56	4,94	5,62	58,3	89,0	2	Đạt
4		Thôn Sô Ma Long	22,07	3,85	18,22	74,3	81,0	2	Đạt
5		Thôn Yên Phú	13,71	1,78	11,93	76,0	84,3	2	Đạt
6		Thôn Chrôh Ponan	8,44	1,82	6,62	58,1	88,7	2	Đạt
7		Bôn Hiao	6,07	1,37	4,70	57,3	88,9	2	Đạt
8		Bôn Ling	17,20	5,29	11,91	62,5	77,7	2	Đạt
9		Thôn Diễm 9	3,96	1,32	2,64	56,6	82,2	2	Đạt
10		Bôn Chư Plah Jai	17,99	6,35	11,64	51,1	97,9	2	Đạt
47	Xã Ia Hnú - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Lũh Yố	12,62	6,03	6,59	100	87,6	2	Đạt
2		Thôn Lũh Ngó	18,47	9,32	9,15	100	87,3	2	Đạt
3		Thôn Phú Quang	6,25	3,71	2,54	60,8	98,3	0	Không đạt
4		Thôn Bê Tel	12,24	6,77	5,47	100	98,9	1	Không đạt
5		Thôn Khô Roa	12,34	7,05	5,29	100	87,3	2	Đạt
6		Thôn Tung Neng	5,06	3,10	1,96	69,1	98,7	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
7		Thôn Tung Đào	9,00	5,94	3,06	59,0	89,1	2	Đạt
8		Thôn Tung Mo A	10,81	6,23	4,58	58,2	89,5	2	Đạt
9		Làng Kueng Đon	9,36	5,98	3,39	59,6	89,0	2	Đạt
10		Thôn Teng Nong	11,90	6,32	5,58	37,1	71,0	3	Đạt
48	Xã Ia Hrunng - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Blang 1	4,92	1,09	3,83	83,6	100	0	Không đạt
2		Làng Blang	7,62	2,54	5,08	83,2	100	0	Không đạt
3		Làng Jut	5,89	2,25	3,64	89,6	100	0	Không đạt
4		Làng Klăh	7,01	2,08	4,94	87,7	100	0	Không đạt
5		Làng Breng	7,65	2,22	5,43	83,2	100	0	Không đạt
6		Làng Breng 3	6,04	2,10	3,94	80,2	95,9	0	Không đạt
7		Thôn Thanh Hà	7,03	1,23	5,80	76,4	100	0	Không đạt
8		Làng Ngai Ngó	27,92	8,92	18,99	54,0	86,6	3	Đạt
9		Làng Máih	23,04	5,39	17,65	54,1	87,3	3	Đạt
10		Thôn Tân Sao	6,72	2,94	3,78	78,6	93,4	0	Không đạt
11		Thôn Hưng Bình	5,84	2,81	3,03	79,8	90,6	0	Không đạt
12		Thôn Lập Thành	7,28	2,65	4,64	65,7	97,5	0	Không đạt
13		Thôn Chư Hậu 5	6,92	1,73	5,19	76,0	100	0	Không đạt
14		Làng Bò	19,70	5,30	14,39	51,3	98,2	2	Đạt
15		Thôn Đức Tân	3,24	1,00	2,24	67,0	90,2	0	Không đạt
16		Làng Nang	13,40	3,87	9,54	51,1	84,9	3	Đạt
17		Thôn Tân An	5,56	1,65	3,91	66,7	97,6	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
18		Làng Ó	20,61	7,89	12,72	48,4	95,5	2	Đạt
19		Thôn Tân Lập	3,97	0,00	3,97	73,7	90,4	0	Không đạt
20		Làng Yang	14,81	4,27	10,54	55,1	90,6	2	Đạt
49	Xã Ia Khuol - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Pok	18,54	3,65	14,89	59,8	93,9	2/3	Đạt
2		Làng Rơ Vai	11,99	1,89	10,09	59,3	89,5	3/3	Đạt
3		Thôn Đại An	5,90	1,24	4,66	61,4	100,0	0/3	Không đạt
4		Làng Tơ Von	19,01	5,32	13,69	50,8	89,1	3/3	Đạt
5		Làng Kách	11,37	3,62	7,75	48,9	89,4	2/3	Đạt
6		Làng Tơ Ver	21,23	7,08	14,15	43,6	88,4	3/3	Đạt
7		Làng Mor	30,05	6,56	23,50	44,0	80,7	3/3	Đạt
8		Làng Kon Sơ Lãng	37,76	10,72	27,04	47,6	85,9	3/3	Đạt
9		Làng Kon Mãnh	44,16	13,51	30,65	54,7	82,4	3/3	Đạt
10		Làng Kon Sơ Lăl	51,41	13,48	37,93	46,4	80,7	3/3	Đạt
50	Xã Ia Ko - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 3	3,36	0,59	2,77	44,0	87,6	2	Đạt
2		Thôn 4	6,21	0,64	5,57	79,0	92,3	0	Không đạt
3		Làng Plong	11,75	5,07	6,68	24,0	89,9	2	Đạt
4		Làng O Grung	9,07	4,06	5,01	28,0	89,0	2	Đạt
5		Làng Sur B	15,94	10,51	5,43	76,6	88,8	2	Đạt
6		Làng Hra	10,47	5,71	4,76	59,3	89,3	2	Đạt
7		Làng Dư Keo	14,64	7,32	7,32	64,0	88,5	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
51	Xã Ia Krái - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Ia Khai	8,53	4,47	4,06	100	97,9	0	Không đạt
2		Thôn A Sanh	4,58	3,58	1,00	100	89,4	1	Không đạt
3		Thôn Pô Kô	5,47	1,00	4,47	100	98,4	0	Không đạt
4		Thôn Ia Tô	3,34	1,77	1,57	100	96,8	0	Không đạt
5		Thôn 705	3,90	1,15	2,75	100	98,9	0	Không đạt
6		Thôn Chư Nghé	9,87	2,47	7,40	100	92,5	0	Không đạt
7		Thôn Doch Kuế	10,48	2,05	8,43	100	88,6	1	Không đạt
8		Thôn Bì Ia Yom	23,41	6,33	17,08	100	85,5	2	Đạt
9		Thôn Ia Blan	7,46	2,13	5,33	100	98,0	0	Không đạt
10		Thôn Kmông	7,85	3,49	4,36	100	98,5	0	Không đạt
11		Thôn Delung	12,32	4,48	7,84	100	89,1	2	Đạt
12		Thôn Del	4,76	2,93	1,83	100	95,3	0	Không đạt
13		Thôn Ia Châm	7,09	2,24	4,85	100	91,4	0	Không đạt
14		Thôn 1	13,07	5,52	7,55	100	91,9	1	Không đạt
15		Thôn 3	4,45	1,27	3,18	100	95,1	0	Không đạt
16		Thôn 5	3,42	0,98	2,44	100	99,8	0	Không đạt
52	Xã Ia Krêl - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Le	18,56	10,78	7,78	32	83,03	3	Đạt
2		Làng Yít Rông	40,47	11,90	28,57	47	82,76	3	Đạt
3		Thôn Quyết Thắng	14,14	2,59	11,55	42	97,81	2	Đạt
4		Thôn Đồng Tâm	6,31	2,24	4,07	52	97,97	1	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
5		Thôn Ia Lâm	8,15	0,88	7,27	56	92,51	1	Không đạt
6		Làng Krol Krêl	38,63	7,48	31,15	30	73,83	3	Đạt
7		Thôn Thanh Giáo	7,96	0,37	7,59	51	99,63	1	Không đạt
8		Làng Ngo Rông	26,24	4,68	21,56	55	86,16	2	Đạt
53	Xã Ia Lâu - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Đút	23,47	10,47	13,00	70,0	87,50	2	Đạt
2		Thôn Pác Bó	5,13	1,66	3,48	83,2	98,26	0	Không đạt
3		Làng Tu	14,78	8,35	6,42	73,0	89,49	2	Đạt
4		Thôn Đà Bắc	4,84	2,13	2,71	81,8	97,2	0	Không đạt
5		Thôn Hoà Bình	5,60	2,24	3,36	88,0	96,7	1	Không đạt
6		Thôn Ninh Hoà	3,13	1,25	1,88	80,6	97,7	0	Không đạt
7		Làng Me	7,32	4,07	3,25	82,6	100,0	1	Không đạt
8		Làng Pior	15,79	12,34	3,45	66,6	89,70	2	Đạt
9		Làng Phung	13,61	8,89	4,72	63,5	89,8	2	Đạt
10		Thôn Đoàn Kết	2,25	0,80	1,45	73		0	Không đạt
54	Xã Ia Le - Tỉnh Gia Lai								
1		Phú Hòa	6,01	1,09	4,92	79,0	98,0	0	Không đạt
2		Ia Jol	21,08	8,16	12,92	80,3	87,1	2	Đạt
3		Ia Bía	17,39	7,10	10,29	82,2	87,3	2	Đạt
4		Puối Lốp	19,48	9,23	10,25	87,2	83,9	2	Đạt
5		Làng Kuăi	42,40	20,00	22,40	71,1	85,6	2	Đạt
6		Phú Vinh	7,78	1,79	5,99	72,0	88,9	1	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
55	Xã Ia Ly - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Ia Ping	4,33	0,72	3,61	80,0	100	0	Không đạt
2		Làng Mun	24,44	4,79	19,65	56,5	100	2	Đạt
3		Làng Vân	14,24	3,87	10,37	53,7	99,6	2	Đạt
4		Làng Kép	24,24	2,88	21,36	66,7	86,8	2	Đạt
5		Làng Al	10,5	1,05	9,45	66,5	100	0	Không đạt
6		Làng Dóch	76,84	19,61	57,23	53,0	76,0	3	Đạt
56	Xã Ia Mơ - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Klăh	21,99	9,75	12,28	54	87,0	3	Đạt
2		Làng Hnáp	19,14	7,65	11,49	100	83,4	2	Đạt
57	Xã Ia Nan - Tỉnh Gia Lai								
1		Ia Đao	6,15	1,60	4,55	100	95.405	0	Không đạt
2		Đức Hưng	11,28	0,85	10,43	100	100	0	Không đạt
58	Xã Ia O - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng O	13,23	3,9	9,33	95,5	100,0	2	Đạt
2		Làng Mít Kom	17,48	5,48	12,00	96,7	93,0	1	Không đạt
3		Làng Bi	15,54	4,24	11,30	93,4	71,8	2	Đạt
59	Xã Ia Pa - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Quý Đức	7,50	2,32	5,18	70,6	92,9		Không đạt
2		Bôn Thăm	13,08	5,04	8,04	68,7	86,8	2	Đạt
3		Bôn Tong Se	22,03	5,36	16,67	64,9	87,8	2	Đạt
4		Ploi RNgôl	16,73	9,73	7,00	64,1	87,3	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
5		Thôn BahLeng	7,36	1,99	5,37	66,0	92,4		Không đạt
6		Ploi Ia Mron	7,61	1,69	5,92	58,7	87,9	2	Đạt
7		Thôn Ama Rin	9,71	2,60	7,11	67,5	93,7		Không đạt
8		Thôn Ama H’Lil	10,37	2,48	7,89	58,8	87,1	2	Đạt
9		Thôn Kim Tân	9,46	2,23	7,23	68,7	94,9	0	Không đạt
10		Thôn Blôm	3,99	0,80	3,19	58,6	86,4	2	Đạt
11		Thôn Đăk Chá	9,14	3,76	5,38	58,9	86,5	2	Đạt
60	Xã Ia Phí - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Prép	13,0	4,5	8,5	58,5	87,0	2	Đạt
2		Làng Or	20,7	5,1	15,6	59,58	92,5	2	Đạt
3		Làng Pơ Tum	38,5	13,3	25,2	86,8	86,6	2	Đạt
4		Làng Roih	8,3	1,5	6,8	50,6	100	1	Không đạt
5		Làng Làng Yăng	12,9	2,9	10,0	79,9	91,6	1	Không đạt
6		Làng Bui	30,8	5,1	25,6	97,8	87,5	2	Đạt
7		Làng Mrông Yố	34,2	1,8	32,4	81,8	88	2	Đạt
8		Làng Mrông Ngó	27,8	1,8	26,1	80,9	100	1	Không đạt
9		Làng Bluk Blui	42,8	7,0	35,8	87,1	63,7	2	Đạt
10		Làng Bàng	12,9	1,6	11,3	100	99,7	1	Không đạt
11		Thôn 1	5,3	0,6	4,7	100	100	0	Không đạt
12		Thôn 2	4,3	0,0	4,3	100	100	0	Không đạt
13		Thôn 3	3,2	0,9	2,3	89,3	75,4	1	Không đạt
14		Thôn 4	5,5	0,0	5,5	100	100	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
61	Xã Ia Pia - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Tu 1	27,31	21,43	5,88	73,2	89,3	2	Đạt
2		Làng Hát	17,11	3,33	13,78	77,1	82,0	2	Đạt
3		Làng Hle	36,6	16,22	20,38	72,3	80,8	2	Đạt
4		Thôn Bình Nguyên	2,1	1,05	1,05	41,1	100,0	1	Không đạt
5		Làng Doách	25,11	11,98	13,13	77,4	84,3	2	Đạt
6		Làng O Ngol	6,91	1,17	5,74	71,4	89,4	1	Không đạt
7		Làng Hlang Ngol	34,63	15,64	18,99	64,5	85,8	2	Đạt
8		Thôn Tân Thủy	6,89	3,94	2,95	59,4	88,2	2	Đạt
9		Làng Tu 2	14,43	5,43	9	58,6	87,9	2	Đạt
62	Xã Ia Pnôn - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Bua	41,19	9,50	31,68	51,37	96,0	2	Đạt
2		Làng Triêl	46,15	18,77	27,38	43,26	97,5	2	Đạt
3		Làng Chan	49,6	7,31	42,29	41,03	97,93	2	Đạt
63	Xã Ia Púch - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Brang	24,99	17,1	7,89	100	60	2	Đạt
64	Xã Ia Rbol - Tỉnh Gia Lai								
1		Bôn Hoai	0,54	0	0,54	90	100	0	Không đạt
2		Bôn Bír	2,51	0	2,51	58	89,11	2	Đạt
3		Bôn Chư Băh	1,17	0	1,17	57,5	78,46	2	Đạt
4		Bôn Rung Ma Đoan	1,95	0	1,95	58,5	99,35	1	Không đạt
5		Bôn Rung Ma Nin	3,04	0,28	2,76	57	83,08	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
6		Bôn Krãi	1,83	0	1,83	58,3	86,38	2	Đạt
65	Xã Ia Rsai - Tỉnh Gia Lai								
1		Buôn Ma Rok	14,21	3,51	10,70	49,7	95,9	2	Đạt
2		Thôn Chư Gu	14,00	5,95	8,05	18,0	99,8	2	Đạt
3		Buôn Du	23,77	2,65	21,12	23,5	96,6	2	Đạt
4		Thôn Chư Rcăm	16,08	1,71	14,37	39,9	98,9	2	Đạt
5		Thôn Quynh Phụ	11,23	5,32	5,91	58,4	89,1	2	Đạt
6		Buôn Gum Gôp	19,45	6,87	12,58	57,9	91,6	2	Đạt
7		Buôn Chư Jú	27,01	8,60	18,41	50,2	92,4	2	Đạt
66	Xã Ia Sao - Tỉnh Gia Lai								
1		Bôn Phu Ama Nher	5,33	0,00	5,33	100	86,8	1	Không đạt
2		Bôn Hoang	4,53	1,02	3,51	100	87,9	1	Không đạt
3		Bôn Ama Tí	3,59	0,00	3,59	100	77,5	1	Không đạt
4		Bôn Ia Rtô	2,62	0,00	2,62	100	95,3	0	Không đạt
5		Bôn Khăn	5,47	1,03	4,44	100	100	0	Không đạt
67	Xã Ia Tôr - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Đoàn Kết - ÓKly	4,33	0,86	3,47	80	99	0	Không đạt
2		Làng Nêh Xo	9,13	2,15	6,98	80	98	0	Không đạt
3		Thôn Nhon Hà	3,19	0,91	2,28	80	100	0	Không đạt
4		Làng Bang Ngol	26,20	17,20	9,00	70	97	1	Không đạt
5		Làng Anh	12,53	7,71	4,82	70	96	1	Không đạt
6		Làng Tor Bang	16,64	2,94	14,15	70	95	1	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
7		Thôn Phú Vinh	5,01	2,31	2,7	80	100	0	Không đạt
8		Thôn Phú Mỹ	6,62	2,09	4,53	70	98	0	Không đạt
9		Làng Phun - Thanh	6,7	2,5	4,2	70	96	0	Không đạt
68	Xã Ia Tul - Tỉnh Gia Lai								
1		Bôn Tơ khế	35,68	10,30	25,38	100	100	1	Không đạt
2		Bôn Broãi	31,00	18,83	12,17	98	100	1	Không đạt
3		Bôn Biah B	17,36	1,67	15,69	90	89,9	2	Đạt
4		Ploi Apa Ama Đá	33,57	9,54	24,03	90	81,5	2	Đạt
5		Bôn Dlai Bàu	32,90	13,31	19,59	80	77,8	2	Đạt
6		Ploi Toan	23,14	14,84	8,30	80	99,5	1	Không đạt
7		Ploi Apa Oi H' Trông	24,26	6,13	18,14	90	100	1	Không đạt
8		Ploi Apa Ama H' Lăk	31,44	7,49	23,95	90	75,7	2	Đạt
9		Ploi Apa Oi H' Briu	26,37	8,36	18,01	90	100	1	Không đạt
10		Bôn Biah A	17,09	2,85	14,24	100	100	1	Không đạt
69	Xã Kbang - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 1	12,24	1,40	10,84	88,3	90	1	Không đạt
2		Thôn 2	13,62	1,42	12,20	63,6	85	2	Đạt
3		Thôn 3	7,46	0,68	6,78	100,0	91	0	Không đạt
4		Thôn 4	19,39	2,22	17,17	100,0	85	2	Đạt
5		Thôn 5	14,39	2,71	11,68	70,6	95	1	Không đạt
6		Thôn 6	3,40	0,62	2,78	100,0	93	0	Không đạt
7		Thôn 7	2,38	0,24	2,14	100,0	100	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
8		Thôn 8	4,91	0,89	4,02	100,0	94	0	Không đạt
9		Thôn 9	13,80	2,00	11,80	100,0	89	2	Đạt
10		Thôn 10	11,67	1,27	10,40	78,6	84	1	Không đạt
11		Thôn 11	6,46	0,65	5,81	95,3	92	0	Không đạt
12		Làng Bôn	31,07	8,74	22,33	56,7	78	2	Đạt
13		Làng Lơ Ku	28,28	8,32	19,96	76,5	77	2	Đạt
14		Làng Đak Smar	34,30	6,92	27,38	84,0	86	2	Đạt
70	Xã KDang - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Rong ☐	16,73	3,59	13,15	67,67	100	1	Không đạt
2		Thôn Ktăng	1,33	0,22	1,11	68,50	100	0	Không đạt
3		Thôn Aluk	3,93	1,05	2,88	74,00	100	0	Không đạt
4		Thôn R'khuong-Tleo	1,75	0,50	1,25	89,50	100	0	Không đạt
5		Thôn Tân Lập	5,37	1,79	3,58	71,00	100	0	Không đạt
6		Thôn Hà Lòng	2,95	0,98	1,97	76,00	100	0	Không đạt
7		Thôn Cầu Vàng	3,01	0,38	2,63	76,50	100	0	Không đạt
8		Thôn BotGrek	22,98	14,21	8,77	55,00	100	2	Đạt
71	Xã Kim Sơn - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Nghĩa Sơn	5,68	2,34	3,34	94,8	100	0	Không đạt
2		Thôn Bình Điền	5,91	1,88	4,03	68,8	100	0	Không đạt
3		Thôn Phú Quang	6,27	1,65	4,62	94,8	100	0	Không đạt
4		Thôn Bà Bơi	16,26	6,92	9,34	64,7	89	2	Đạt
5		Thôn Bok Tới	14,86	6,83	8,03	72,4	69,6	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
72	Xã Kon Chiêng - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng King	41,18	10,93	30,25	40,0	91,9	2	Đạt
2		Làng Gít	27,86	14,64	13,22	25,0	84,3	3	Đạt
3		Làng Kông Chiêng	41,55	12,16	29,39	6,1	80,4	3	Đạt
4		Làng Đăk Ó	21,12	9,24	11,88	9,3	100	2	Đạt
5		Làng Đak Trôi	36,39	13,46	22,93	39,8	62,1	3	Đạt
6		Làng Đak Bơ	28,47	11,25	17,22	50,1	87,1	3	Đạt
73	Xã Kon Gang - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Krun	7,96	2,24	5,71	83,3	100	0	Không đạt
2		Thôn Klót	32,78	11,24	21,53	46,9	100	2	Đạt
3		Thôn Ktu	30,20	6,93	23,27	51,4	100	2	Đạt
4		Thôn Dung Rơ □	28,62	9,09	19,53	59,2	100	2	Đạt
5		Thôn Đê Klanh	10,90	2,94	7,97	43,3	100	1	Không đạt
6		Thôn 4	5,83	0,32	5,50	99,3	100	0	Không đạt
7		Thôn Đak Mong	7,43	1,52	5,91	86,2	100	0	Không đạt
8		Thôn 1	3,44	0,00	3,44	90,6	100	0	Không đạt
9		Thôn 2	4,35	0,00	4,35	95,1	100	0	Không đạt
10		Thôn 3	3,27	0,20	3,06	83,2	100	0	Không đạt
11		Thôn 5	2,80	0,37	2,43	100	100	0	Không đạt
12		Thôn Kóp	36,47	15,59	20,88	53,7	100	2	Đạt
13		Thôn 6	4,97	0,66	4,30	100	100	0	Không đạt
74	Xã Kông Bơ La - Tỉnh Gia Lai								

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
1		Thôn Thống Nhất	15,67	1,47	14,2	100	100	1	Không đạt
2		Làng Bla	58,84	6,46	52,38	100	82,7	2	Đạt
3		Làng Đak Lă	49,81	6,59	43,22	100	87,5	2	Đạt
4		Thôn Đăk Hlơ	8,3	2,01	6,29	100	94,2	0	Không đạt
5		Thôn Sông Ba	8,38	3,59	4,79	100	100	0	Không đạt
6		Làng Lọc	49,05	6,36	42,69	100	93,6	1	Không đạt
7		Thôn Nghĩa An 2	17,05	2,13	14,92	100	100	1	Không đạt
8		Thôn Tân Đông	8,06	1,77	6,29	100	100	0	Không đạt
9		Thôn Kông Chư Pí	7,15	3,27	3,88	100	100	0	Không đạt
10		Thôn Nghĩa An 1	13,42	2,63	10,79	100	93,94	1	Không đạt
11		Thôn An Đông	9,09	1,95	7,14	100	92,86	0	Không đạt
12		Thôn Đoàn Kết	23,79	4,03	19,76	100	88,3	2	Đạt
75	Xã Kông Chro - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 1	9,46	2,63	6,83	100	100	0	Không đạt
2		Làng Pyang Dong	54,55	14,91	39,63	100	89,49	2/2	Đạt
3		Làng Yang Trung	13,03	4,40	8,63	100	87,13	2/2	Đạt
4		Làng Tpong Hlang	25,41	11,48	13,93	100	81,35	2/2	Đạt
5		Làng Von	30,07	11,98	18,09	100	76,28	2/2	Đạt
6		Làng Rong Ya Ma	28,54	12,39	16,15	100	89,82	2/2	Đạt
76	Xã Krong - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Đăk Kopier	45,8%	23,0%	22,8%	61	69,6	2	Đạt
2		Làng Tăng Lãng	53,4%	22,0%	31,4%	60	49,5	3	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
3		Làng Sơ Lam	55,0%	23,6%	31,4%	60	64,3	3	Đạt
4		Làng Hro	30,7%	13,6%	17,2%	70	73,4	2	Đạt
77	Xã Lơ Pang - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Đak Hlă	48,50	13,40	35,10	54,8	84,2	3	Đạt
2		Thôn Chup	27,60	7,90	19,70	57,4	97,7	2	Đạt
3		Thôn Roh	35,40	8,30	27,10	52,7	95,5	2	Đạt
4		Thôn Groi	56,00	7,10	48,90	56,0	91,6	2	Đạt
5		Thôn Dơ Nâu	23,10	4,30	18,80	57,5	95,3	2	Đạt
6		Thôn Ar Dôch Kơ Tu	62,60	23,90	38,70	54,3	84,8	3	Đạt
7		Thôn Ar Tơ Măn	29,50	6,70	22,80	52,5	87,1	3	Đạt
8		Thôn Đôn Hyang	40,70	8,30	32,40	57,3	86,6	3	Đạt
9		Thôn Pyâu	69,40	25,90	43,50	53,3	81,0	3	Đạt
10		Thôn Pơ Nang	37,30	6,80	30,50	55,0	96,9	2	Đạt
11		Thôn Ar Bơ Tók	42,40	16,50	25,90	47,6	88,6	3	Đạt
78	Xã Mang Yang - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Kon Dong 2	3,35	1,55	1,80	86,0	98,8	0	Không đạt
2		Thôn Kon Dong 4	7,48	2,16	5,32	88,0	98,9	0	Không đạt
3		Làng Đê Ktu	9,78	3,99	5,80	56,2	79,3	2	Đạt
4		Thôn Châu Khê	6,68	1,71	4,97	86,5	100,0	0	Không đạt
5		Thôn Châu Sơn	13,04	4,04	9,00	58,7	98,4	2	Đạt
6		Làng Đăk Yă	29,12	5,64	23,48	55,6	89,9	3	Đạt
7		Làng Brếp	15,97	2,08	13,89	59,5	82,9	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
8		Làng Hrak	14,58	2,38	12,20	58,2	99,5	2	Đạt
79	Xã Phù Mỹ Bắc - Tỉnh Gia Lai								
1		Phú Thứ	3,35	0,51	2,84	90	100		Không đạt
2		Hòa Tân	4,10	1,61	2,49	90	100		Không đạt
3		An Giang	5,21	1,59	3,62	90	100		Không đạt
4		Lộc Thái	3,27	0,66	2,61	80	100	1	Không đạt
5		Vạn An	4,51	1,61	2,90	80	100	1	Không đạt
6		Vạn Thiết	1,26	0,42	0,84	90	100		Không đạt
7		Châu Trúc	3,44	1,58	1,86	90	100		Không đạt
8		An Bảo	5,45	1,17	4,28	70	100	1	Không đạt
9		Cửu Thành	6,85	0,70	6,15	80	100	1	Không đạt
10		Vạn Định	5,03	1,60	3,43	90	100	1	Không đạt
11		Tân Lộc	3,08		3,08	100	100		Không đạt
12		Tân Phú	1,59	0,53	1,06	70	100	1	Không đạt
80	Xã Phú Thiện - Tỉnh Gia Lai								
1		Plei Athai	9,21	2,86	6,35	59,40	100		Không đạt
2		Thôn Phú Thiện	5,82	0,85	4,97	80,00	100		Không đạt
3		Thôn Tân Hiệp	5,92	1,78	4,15	85,00	100		Không đạt
4		Thôn Hiệp Thắng	9,12	2,77	6,35	95,00	100		Không đạt
5		Thôn Plei Knông	6,61	1,07	5,54	90,00	100		Không đạt
6		Thôn Thắng Lợi 1	5,81	2,32	3,49	90,00	100		Không đạt
7		Thôn Thắng Lợi 2	12,21	2,34	9,87	75,00	100		Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
8		Thôn Plei Tel	6,43	0,8	5,62	95,00	100		Không đạt
9		Thôn Kế Tân	13,27	1,85	11,42	58,50	97	2	Đạt
10		Thôn Plei Amil	15,16	1,38	13,78	57,00	100	2	Đạt
11		Thôn Ia Ptau	17,13	4,89	12,23	59,00	98,7	2	Đạt
12		Thôn Ia Yeng	25,62	8,46	17,16	58,00	95,3	2	Đạt
13		Thôn Plei Kte	12,18	3,14	9,04	52,60	100	2	Đạt
14		Thôn Plei Kual	18,44	6,15	12,29	58,50	99,7	2	Đạt
15		Thôn Plei Ksing	21,29	4,1	17,19	59,40	78,5	2	Đạt
16		Thôn Plei Chung	17,06	4,5	12,56	59,00	98	2	Đạt
17		Thôn Plei Trang	15,25	5,08	10,17	59,00	100	2	Đạt
18		Thôn Plei Rbai	6,65	1,5	5,15	99,50	100		Không đạt
19		Thôn Plei Klah	11,83	2,78	9,05	100,00	100		Không đạt
20		Thôn Mơ Lan	7,27	1,82	5,45	57,60	100		Không đạt
21		Thôn Tam Điệp	12,61	2,93	9,68	100,00	100		Không đạt
22		Thôn Plei Amăng	5,77	0,99	4,78	100,00	100		Không đạt
85	Xã Phú Túc - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Thông Nhất	3,25	0,54	2,71	100,0	100,0	0	Không đạt
2		Buôn Dù	8,48	1,66	6,82	100,0	94,8	0	Không đạt
3		Thôn Lâm Viên	1,86	0,27	1,59	100,0	100,0	0	Không đạt
4		Buôn Đoàn Kết	6,20	1,55	4,65	100,0	97,4	0	Không đạt
5		Buôn Thành Công	10,98	1,97	9,01	77,5	93,3	0	Không đạt
6		Thôn Hoà Phú	3,93	0,41	3,52	100,0	99,3	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
7		Buôn Phú Cần	11,02	1,52	9,50	69,8	89,4	2	Đạt
8		Buôn Tang	18,26	6,43	11,83	59,1	93,3	2	Đạt
9		Buôn Chư Ung	23,97	5,45	18,52	56,2	89,7	3	Đạt
10		Buôn Chư Ngọc	22,87	5,40	17,47	64,4	89,9	2	Đạt
11		Buôn Prong	10,36	2,33	8,03	59,8	82,6	2	Đạt
12		Buôn Ia Mlah	22,13	6,39	15,74	56,2	73,2	3	Đạt
13		Buôn Đất Bằng	29,38	11,50	17,88	58,3	86,0	3	Đạt
14		Buôn Ma Giai	38,56	18,93	19,63	55,0	51,2	3	Đạt
86	Xã Pờ Tó - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Bình Hòa	9,39	2,89	6,5	90,03	98,56	0	Không đạt
2		Thôn Vòng Boong	13,08	5,23	7,85	58,7	89,22	2	Đạt
3		Thôn 2	19,97	13,54	6,43	81,4	84,09	2	Đạt
4		Thôn 3	25,35	16,33	9,02	70,9	88,91	2	Đạt
5		Thôn Plei Du	8,73	7,86	0,87	58,8	87,8	2	Đạt
6		Thôn 1	46,78	31,76	15,02	86,4	86,7	2	Đạt
7		Thôn Bì Giông	36,56	30,11	6,45	73,0	83,3	2	Đạt
8		Thôn Bì Gia	21,20	18,75	2,45	99,3	62,2	2	Đạt
87	Xã Sơn Lang - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn 1	22,62	5,91	16,71	100	86,4	2	Đạt
2		Thôn 2	14,09	2,73	11,36	100	94,5	0	Không đạt
3		Thôn 3	9,73	1,62	8,11	100	98,6	0	Không đạt
4		Thôn 4	5,80	0,46	5,34	100	98,6	0	Không đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
5		Thôn 5	7,31	1,66	5,65	100	100	0	Không đạt
6		Thôn 6	6,60	0,66	5,94	100	100	0	Không đạt
7		Thôn 7	21,03	5,95	15,08	100	85,3	2	Đạt
8		Thôn 8	16,27	3,59	12,68	100	89,9	2	Đạt
88	Xã SRó - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Quel	27,77	20,91	6,86	75,04	88,89	2	Đạt
2		Làng Sơ Ró Kurok	38,04	30,08	7,96	54,09	78,76	3	Đạt
3		Làng Pting	44,48	33,48	11,00	59,68	81,19	3	Đạt
4		Làng Bơ Ya	35,23	28,36	6,87	55,06	60	3	Đạt
5		Làng Nhang Htiên	26,52	14,85	11,67	47,67	75,86	3	Đạt
89	Xã Tây Sơn - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Đồng Sim	12,44	3,48	8,96	58,65	86,20	2	Đạt
90	Xã Tơ Tung - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Sơ Tor	42,69	9,20	33,49	100	77	2	Đạt
2		Làng Đồng Tâm	25,52	4,03	21,48	100	99	1	Không đạt
3		Làng Cao Lạng	10,95	2,05	8,90	100	100	0	Không đạt
4		Làng Đàm Khong	37,83	4,05	33,78	100	90	2	Đạt
5		Làng Klếch	28,13	2,68	25,45	100	95	1	Không đạt
6		Làng Mohra	37,04	9,63	27,41	100	87	2	Đạt
7		Làng Kgiang	35,61	6,81	28,80	100	95	1	Không đạt
8		Làng Bờ Ngál	38,76	11,42	27,34	100	74	2	Đạt
9		Làng Kông Long Khong	47,89	13,14	34,75	100	90	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
10		Thôn Hbang	10,04	1,31	8,73	100	90	1	Không đạt
91	Xã Uar - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Huy Hoàng	15,93	2,28	13,66	83,3	98	1	Không đạt
2		Buôn Ia Jip	26,13	9,67	16,46	53,8	98	2	Đạt
3		Thôn Thanh Bình	21,23	6,84	14,39	82,1	88	2	Đạt
4		Buôn Tiang	16,69	8,08	9,62	59	97	2	Đạt
5		Thôn Thái Bình	8,37	1,98	6,39	86,3	100	0	Không đạt
92	Xã Vạn Đức - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Ân Sơn	11,92	6,74	5,18	100	78,8	2	Đạt
2		Thôn Vạn Hội	1,95	0,78	1,17	100	100,0		Không đạt
3		Thôn Ân Tín	1,57	0,64	0,94	100	100,0		Không đạt
4		Thôn An Thường	2,85	1,12	1,73	100	99,7		Không đạt
5		Thôn Thế Thạnh	2,81	1,04	1,77	100	99,6		Không đạt
6		Thôn Ân Thạnh	3,03	1,06	1,98	100	99,0		Không đạt
7		Thôn Vinh Đức	1,76	0,68	1,08	100	100,0		Không đạt
93	Xã Vân Canh - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Hiệp Hà	14,91	4,97	9,94	100,0	100	1	Không đạt
2		Thôn Hiệp Hội	13,20	3,88	9,32	100,0	100	1	Không đạt
3		Thôn Thịnh Văn 1	19,79	3,89	15,90	100,0	88,3	2	Đạt
4		Thôn Thịnh Văn 2	14,06	6,12	7,94	79,8	98,6	1	Không đạt
5		Làng Hòn Mẻ	25,65	6,65	19,00	70,1	89,1	2	Đạt
6		Làng Canh Sơn	24,64	5,73	18,91	95,7	88,5	2	Đạt

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
7		Làng Hà Văn Trên	18,42	6,77	11,65	73,4	85,3	2	Đạt
8		Làng Canh Hòa	11,17	8,87	2,30	81,0	86,7	1	Không đạt
94	Xã Vĩnh Quang - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Định Thái	5,13	2,33	2,80	100	84,6	1	Không đạt
2		Thôn Định Quang	5,15	3,09	2,06	100	80,2	1	Không đạt
3		Thôn Định Trung	3,88	2,59	1,29	100	83,2	1	Không đạt
4		Thôn Định Xuân	5,56	2,66	2,90	100	78,5	1	Không đạt
5		Thôn Vĩnh Thuận	18,46	9,62	8,85	100	88,1	2	Đạt
6		Thôn Định Nhì	24,41	11,27	13,15	100	87,3	2	Đạt
7		Thôn Vĩnh Hòa	14,98	5,20	9,79	100	83,2	2	Đạt
8		Thôn Tiên An	24,01	7,90	16,11	100	84,8	2	Đạt
95	Xã Vĩnh Sơn - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn K2	18,58	7,63	10,94	57,2	100	2	Đạt
2		Thôn K4	16,91	7,49	9,42	58,2	100	2	Đạt
3		Thôn K8	21,27	8,96	12,31	56,8	100	2	Đạt
4		Thôn O5	36,33	15,11	21,22	54,5	100	2	Đạt
96	Xã Vĩnh Thạnh - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn Định Thành	5,52	4,01	1,51	54,6	89,0	2	Đạt
2		Thôn Định Trị	3,70	2,83	0,87	92,6	97,8	0	Không đạt
3		Thôn Tà Địch	13,27	11,65	1,62	69,5	88,7	2	Đạt
4		Thôn Định Thiện	4,71	1,57	3,14	91,4	97,7	0	Không đạt
97	Xã Vĩnh Thịnh - Tỉnh Gia Lai								

STT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
1		Thôn Hà Ri	9,13	5,94	3,20	58,8	88,9	2	Đạt
2		Thôn Kon Tơ Lok	11,06	8,41	2,65	58,5	84,6	2	Đạt
3		Thôn Vĩnh Phúc	9,24	6,16	3,08	78,5	83,3	1	Không đạt
4		Thôn Vĩnh Cửu	9,91	6,22	3,69	75,5	94,1	0	Không đạt
5		Thôn Vĩnh Trường	9,26	2,93	6,32	77,0	99,1	0	Không đạt
6		Thôn Vĩnh Thái	9,07	2,02	7,06	80,0	94,9	0	Không đạt
7		Thôn Vĩnh Hòa	7,93	1,88	6,05	75,0	97,1	0	Không đạt
98	Xã Ya Hội - Tỉnh Gia Lai								
1		Thôn An Quý	8,87	2,64	6,24	96,77	100	0	Không đạt
2		Thôn An Phú	4,76	0,89	3,87	98,09	100	0	Không đạt
3		Thôn Phú An	6,72	1,00	5,72	96,77	99,86	0	Không đạt
4		Làng Đak Hway 1	20,55	10,28	10,28	100	97,04	1	Không đạt
5		Làng Đak Hway 2	18,51	8,66	9,85	45,7	99,43	2	Đạt
99	Xã Ya Ma - Tỉnh Gia Lai								
1		Làng Tnúg - Măng	52,42	29,89	22,53	100	82,9	2	Đạt
2		Làng Đăk Tơ Pang	58,53	32,95	25,58	100	88,0	2	Đạt
3		Làng Đăk Hway	51,59	41,27	10,32	100	77,6	2	Đạt
4		Làng Kông Yang	26,06	10,02	16,04	100	96,0	1	Không đạt
5		Làng Hưnh Dơng	25,22	6,13	19,09	100	90	1	Không đạt
6		Làng Húp	45,18	15,86	29,32	100	88,9	2	Đạt